TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **206**/2020/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 04 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 214/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ Th, sinh năm 1967; HKTT và ngụ tại: 16/49 đường N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Bùi Xuân Th, sinh năm 1962; HKTT và ngụ tại: 16/49 đường N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 4 năm 2020, bà Nguyễn Thị Mỹ Th và ông Bùi Xuân Th thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa Thuận được với nhau về các vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung.

[2] Xét việc thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Mỹ Th và ông Bùi Xuân Th Thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 71, ngày 29/12/1992 do Ủy ban nhân dân Phường 4, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ Th và ông Bùi Xuân Th hết hiệu lực kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa Thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Hai bên khai nhận vợ chồng có hai con chung là Bùi Duy H, sinh ngày 31/5/1994 và Bùi Hoàng N, sinh ngày 22/12/2002. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung là Bùi Hoàng Ncho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông Th không cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung là Bùi Duy H đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà Th, ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa Thuận. Nếu không thỏa Thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Hai bên yêu cầu vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai nhận vợ chồng không có nợ chung.

Về lệ phí:

- Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Nguyễn Thị Mỹ Th và ông Bùi Xuân Th tự nguyện chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do bà Th, ông Th đã nộp theo biên lai số AA/2019/0020719 ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Các bên đương sự đã nộp đủ.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. T;
- Chi cục THADS Q. T;
- UBND P.4, Q. P, Tp. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tuyết Trinh